ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QHCT XÂY DỰNG PHƯỜNG VĨNH LẠC
(QUY HOẠCH PHÂN KHU PHƯỜNG VĨNH LẠC)
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ - TỈNH KIÊN GIANG
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

TỶ LỆ : 1/2.000

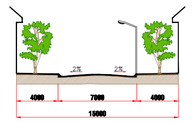

ĐƯỜNG TRẦN NHẬT DUẬT
(Mặt cắt 12a-12a)

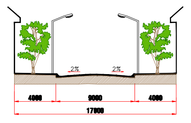

CHU ÂN AN, HẺM 530 NGÔ QUYỀN
(Mặt cắt 7-7)

BẢNG THỐNG KÊ MẶT CẮT NGANG ĐƯỜNG

MẶT CẮT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI	CHIỀU RỘNG (m)			LỘ GIỚI
			ĐƯỜNG	DPC	LỀ	
7-7	CHU VĂN AN , HẺM 530 NGÔ QUYỀN	1.608.28	9		4-4	17
12a-12a	TRẦN NHẬT DUẬT	217.51	7		4-4	15
14-14	ĐƯỜNG 18, HẺM 89 Lạc Hồng	283.25	4		1-1	6
14a-14a	HẺM 89c/aCHu Văn An.	187.73	4		2-2	8
16-16	Đường 21, HẺM 474 Ngô Quyền, HẺM 99 Chu Văn An, 390 Ngô Quyền	600.61	6		2-2	10
17-17	Đường SƯƠNG NGUYỆT ÁNH (Đoạn từ Ngô Quyền đến hẻm 487), Đường TRƯƠNG HÁN SIÊU, Đường ĐẶNG TRẦN CÔN, HẺM 90 Chu Văn An	1.377.31	5		3-3	11
18-18	HẺM 89c/ Chu Văn An, HẺM 478/28 Nguyễn Trung Trực.	262.85	5		2-2	9
19-19	HẺM 123 Chu Văn An, HẺM 149a Chu Văn An, HẺM 506 Ngô Quyền, HẺM 514 Ngô Quyền	499.99	4		0.5-0.5	5
20-20	Đường SƯƠNG NGUYỆT ÁNH (Đoạn từ đường Nguyễn Trung Trực đến đường 5N)	600.38	7		5-5	17
21-21	Đường SƯƠNG NGUYỆT ÁNH (Đoạn từ đường Nguyễn Trung Trực đến hẻm 487)	116.41	10	CÂY XANH	5-5	26.1-29.0
	CỘNG	**6.044.93**				

BẢNG TỔNG HỢP SỬ DỤNG ĐẤT

STT	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG	THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 307/QĐ-UBND NGÀY 28/01/2011		CHỨC NĂNG SỬ DỤNG	ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH		ĐIỀU ĐỘNG	
		DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)		DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)	TĂNG,GIẢM	DIỆN TÍCH (ha)
1	* ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	32.837	16.38	* ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	31.76	17.06	0.8-%	-1.083
				ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG (HIỆN TRẠNG)	29.68	15.94		
				ĐẤT CÂY XANH (CÔNG CỘNG)	2.08	1.12		
2	* ĐẤT Ở	91.779	49.95	* ĐẤT Ở	90.48	54.02	1%g	1.68
	CHỢ ĐẦU MỐI	1.9-400	43.13	CHỢ ĐẦU MỐI	85.61	46.00		
	NHÀ MỚI	12.314	6.69	NHÀ MỚI	12.54	6.65		
				NHÀ Ở LÂN MỚI 444 NGÔ QUYỀN	0.61	0.33		
				NHÀ Ở CHUNG CƯ 450 NGÔ QUYỀN	0.42	0.23		
3	* ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH	3.26	1.77	* ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH	3.71	1.99	0.8-%	0.15
	CÔNG VIÊN CÂY XANH	2.40	1.54	CÔNG VIÊN CÂY XANH	2.24	1.22	0.6-%	0.38
	VƯỜN HOA	0.86	0.23	VƯỜN HOA	1.47	0.77	0.8-%	0.53
4	* ĐẤT MƯƠNG , RẠCH	9.214	5.26	* ĐẤT MƯƠNG , RẠCH	8.24	4.84	0.6-%	-1.0
	KÊNH RẠCH MIỄU	7.2	0.65	KÊNH RẠCH MIỄU				
	KÊNH ÔNG KIỆN	8.014	4.61	KÊNH ÔNG KIỆN	8.01	4.61	--	0
5	* ĐẤT GIAO THÔNG	46.48	24.72	* ĐẤT GIAO THÔNG	41.21	22.60	0.8-%	-4.27
	GIAO THÔNG	42.56	24.11	GIAO THÔNG	40.04	21.73	0.8-%	-2.27
	BẾ GIAO THÔNG	3.92	0.61	BẾ GIAO THÔNG	1.17	0.87	--	0
	CỘNG	184.92	100.00		182.09	100.00		

(MẶT CẮT 14-14)

ĐƯỜNG SƯƠNG NGUYỆT ÁNH
(Đoạn từ đường NG Tr Trực đến hẻm 487)
(Mặt cắt 21-21)

BẢN ĐỒ QH GIAO THÔNG KHU VỰC ĐIỀU CHỈNH QH

Ranh điều chỉnh quy hoạch

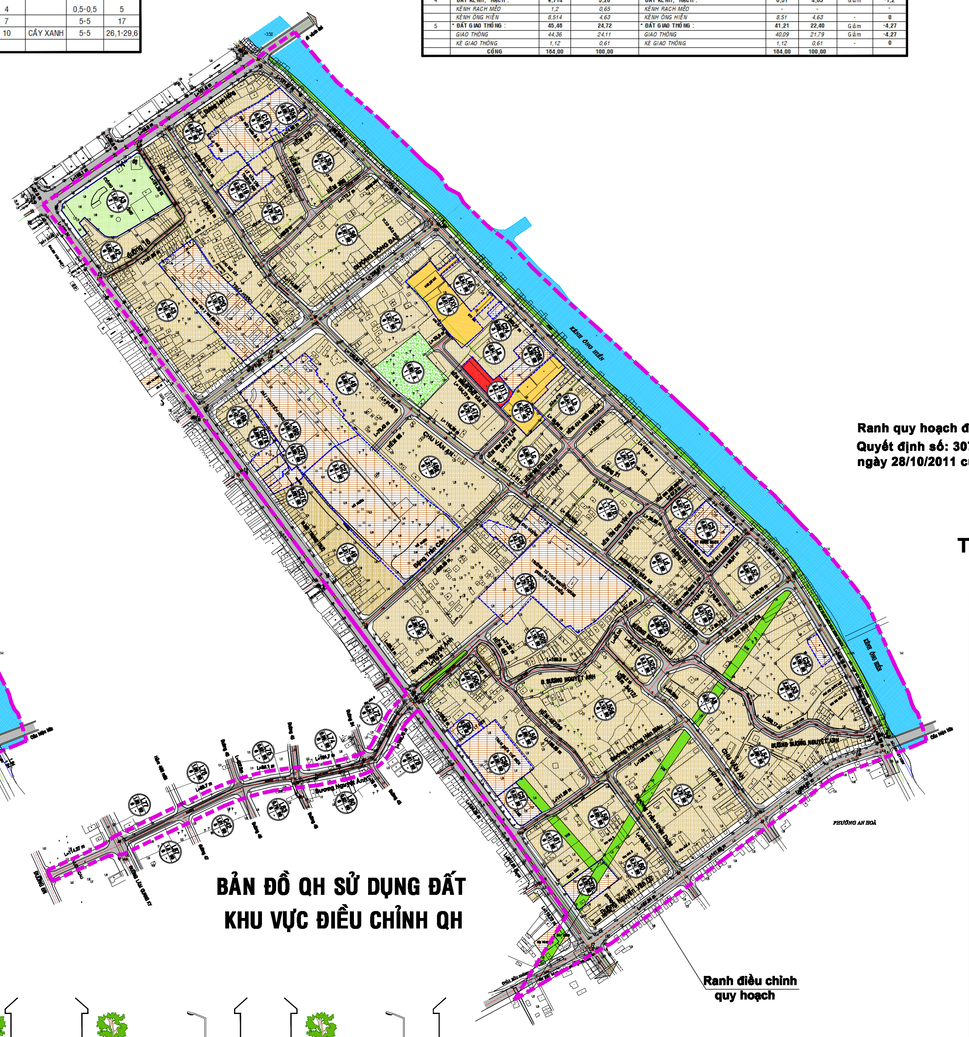

BẢN ĐỒ QH SỬ DỤNG ĐẤT KHU VỰC ĐIỀU CHỈNH QH

Ranh điều chỉnh quy hoạch

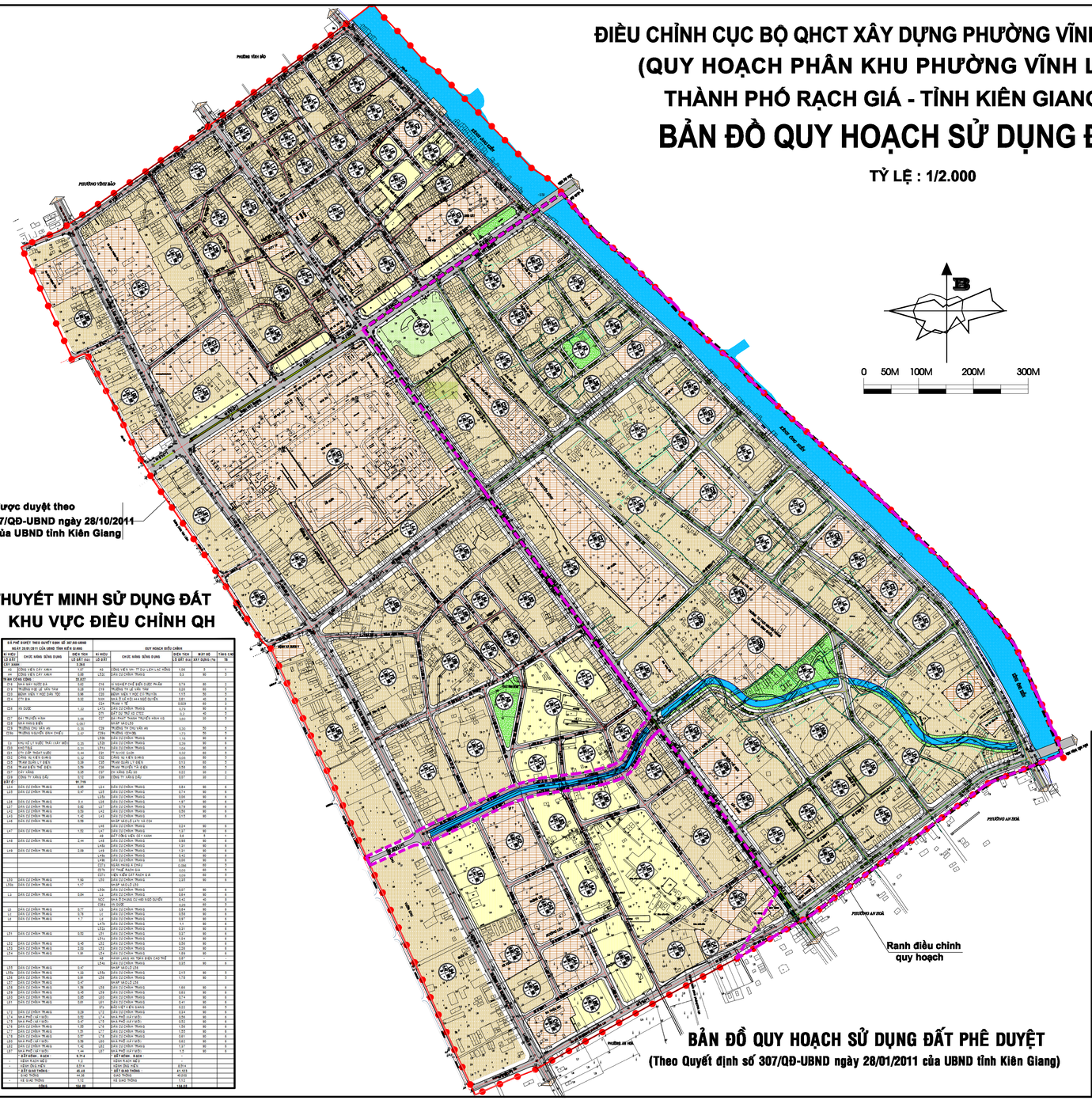

Ranh quy hoạch được duyệt theo
Quyết định số: 307/QĐ-UBND ngày 28/10/2011
ngày 28/10/2011 của UBND tỉnh Kiên Giang

Ranh điều chỉnh quy hoạch

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT PHÊ DUYỆT
(Theo Quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 28/01/2011 của UBND tỉnh Kiên Giang)

0 50M 100M 200M 300M

KÍ HIỆU :

- ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
- ĐẤT DÂN CƯ CHỈNH TRANG
- ĐẤT NHÀ PHỐ XÂY MỚI
- ĐẤT NHÀ Ở CHUNG CƯ, NHÀ Ở XÃ HỘI
- ĐẤT DỰ TRỮ XÂY DỰNG TRÌNH CÔNG CỘNG
- ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH
- ĐẤT GIAO THÔNG
- ĐẤT KÊNH RẠCH
- RANH QUY HOẠCH ĐƯỢC DUYỆT
- RANH ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

KÍ HIỆU LÔ

DIỆN TÍCH LÔ	L1	MĐ XÂY DỰNG
TẦNG CAO TRUNG BÌNH	0.50 / 5	80 / -

THUYẾT MINH SỬ DỤNG ĐẤT KHU VỰC ĐIỀU CHỈNH QH

SỬ DỤNG ĐẤT THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 307/QĐ-UBND NGÀY 28/01/2011				QUY HOẠCH ĐIỀU CHỈNH			
KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG	DIỆN TÍCH (m2)	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG	DIỆN TÍCH (m2)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	TẦNG CAO TB
1-1	ĐẤT CÂY XANH	1.07	1-1	ĐẤT CÂY XANH (CÔNG CỘNG)	1.07	0	0
2-2	ĐẤT CÂY XANH	1.01	2-2	ĐẤT CÂY XANH (CÔNG CỘNG)	1.01	0	0
TRẦN NHẬT DUẬT							
3-3	ĐẤT Ở HIỆN CÓ	0.9	3-3	* CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	0.74	40	1
4-4	ĐẤT Ở HIỆN CÓ	0.9	4-4	* ĐẤT Ở CHỈNH TRANG	0.74	40	1
5-5	ĐẤT Ở HIỆN CÓ	0.9	5-5	ĐẤT Ở CHỈNH TRANG	0.74	40	1
6-6	TỐ 3	0.9	6-6	ĐẤT Ở CHỈNH TRANG	0.74	40	1
			7-7	ĐẤT Ở CHỈNH TRANG	0.74	40	1
7-7	TỐ 3	0.9	8-8	ĐẤT Ở CHỈNH TRANG	0.74	40	1
			9-9	ĐẤT Ở CHỈNH TRANG	0.74	40	1
8-8	TỐ 3	0.9	10-10	ĐẤT Ở CHỈNH TRANG	0.74	40	1
9-9	TỐ 3	0.9	11-11	ĐẤT Ở CHỈNH TRANG	0.74	40	1
10-10	TỐ 3	0.9